

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 45/2020/HC-PT
Ngày 12 tháng 5 năm 2020

V/v khiếu kiện yêu cầu
hủy quyết định hành chính.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Điền

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Trường
Bà Lê Thúy Cầu

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hải An, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thanh, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 67/2019/TLPT-HC ngày 25 tháng 12 năm 2019 về việc “Khiếu kiện yêu cầu hủy quyết định hành chính”, do Bản án hành chính sơ thẩm số 31/2019/HC-ST ngày 11 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 591/2020/QĐ-PT ngày 27 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Trần Thị H, sinh năm 1970; địa chỉ: quận S, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Trần Q; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng (được ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 07/01/2019; có mặt).

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Trần Văn M, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền số 3478/UQ-UBND ngày 28/5/2019; có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Quang V, Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng (vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng: Ông Nguyễn Quang V, Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng: Bà Trần Thị Việt H, Trưởng phòng Quản lý và Phát triển quỹ đất (được ủy quyền theo Giấy ủy quyền số 21/UQ-TTPTQĐ ngày 04/5/2020; có mặt).

3. Cục Thuế thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền của Cục Thuế thành phố Đà Nẵng: Ông Phan Xuân Q, Trưởng phòng quản lý hộ kinh doanh, cá nhân và thu khác (được ủy quyền theo Văn bản ủy quyền số 1594/CT-TCCB ngày 04/5/2020; vắng mặt).

- Người kháng cáo: Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng (Là người bị kiện trong vụ án)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/4/2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện là bà Trần Thị H và người đại diện hợp pháp của người khởi kiện là ông Trần Q trình bày:

Bà Trần Thị H là người trúng đấu giá hai lô đất số 40 và 41 phân khu F1, khu tái định cư N, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng (sau đây viết tắt là lô đất số 40 và 41) theo kết quả phiên đấu giá ngày 18/01/2017 và đã được Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố Đà Nẵng công nhận kết quả đấu giá hai lô đất trên tại Quyết định số 1125/QĐ-UBND ngày 02/3/2017.

Trên cơ sở đó, ngày 23/3/2017 bà H nhận được Thông báo số 1411/TB-CT và số 1412/TB-CT cùng ngày 23/3/2017 của Cục Thuế thành phố Đà Nẵng về việc nộp tiền sử dụng đất đối với hai lô đất trên. Theo đó, đợt 1 ngày phải nộp là 21/4/2017 nhưng do bà H bệnh tật đau ốm nên đã nộp chậm vào ngày 24/4/2017; đợt 2 ngày phải nộp là 20/6/2017 nhưng cũng do bệnh tật đau ốm nên đã nộp chậm vào ngày 30/6/2017. Như vậy, thời hạn tổng cộng hai đợt bà H nộp chậm 13 ngày (kể cả ngày Thứ Bảy và Chủ Nhật).

Ngày 12/7/2018, bà H có gửi đơn trình bày đến các cấp có liên quan, nhận khuyết điểm và xin tiếp tục thủ tục để nhận đất và thủ tục cấp sổ. Đến ngày 14/8/2017, bà H nhận được Thông báo số 6596/TB-CT về tiền thuế nợ, tiền phạt và tiền chậm nộp của Cục Thuế thành phố Đà Nẵng. Theo đó, số tiền chậm nộp tính đến ngày 31/5/2017 là 3.043.333 đồng; số tiền chậm nộp đến ngày 30/6/2017 là 6.278.945 đồng, bà H đã nộp phạt theo đúng Thông báo nêu trên.

Ngày 20/11/2018, bà H biết UBND thành Phố Đà Nẵng có Quyết định số

5444/QĐ-UBND ngày 16/11/2018 về việc hủy kết quả đấu giá các lô đất 40 và 41 tại Quyết định số 1125/QĐ-UBND, đồng thời tịch thu tiền đặt trước của bà H nộp ngân hàng thành phố với lý do là bà H nộp chậm số tiền hai đợt là 13 ngày.

Bà H cho rằng, sau khi trúng đấu giá bà đã nộp 100% số tiền sử dụng đất của hai lô đất trên theo Thông báo của Cục Thuế thành phố Đà Nẵng và nộp cả tiền chậm nộp của 13 ngày theo quy định vào Kho bạc Nhà nước thành phố Đà Nẵng. Như vậy, bà H đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính với Nhà nước đối với hai lô đất trúng đấu giá. Từ khi nộp đầy đủ 100% tiền sử dụng đất đến nay, bà H vẫn chưa được bàn giao đất mặc dù bà H nhiều lần có đơn gửi tới các đơn vị chức năng như: UBND thành phố Đà Nẵng, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng, Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng nhưng đều không được giải quyết.

Trong quá trình chờ đợi UBND thành phố Đà Nẵng giải quyết, tại Văn bản số 864/UBND-STNMT ngày 02/02/2018 của UBND thành phố có ghi: “Trường hợp của bà Trần Thị H, thống nhất chờ ý kiến chỉ đạo thực hiện của Bộ Tài chính”.

Ngày 09/02/2018, Bộ Tài chính có văn bản số 1712/BTC-TCT trả lời UBND thành phố Đà Nẵng nhưng đơn yêu cầu của bà H vẫn không được giải quyết, mặc dù UBND thành phố Đà Nẵng vẫn giải quyết cho các trường hợp nộp chậm tiền sử dụng đất tương tự khác như trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn Ân Điển, hộ bà Lê Thị Minh Thảo được nộp tiền chậm nộp theo Thông tư số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngoài ra còn rất nhiều văn bản khác của các cơ quan chức năng thành phố Đà Nẵng như: Văn bản số 905/STP/XDKTB ngày 30/3/2018 của Sở Tư pháp; Văn bản số 451/HĐND-ĐN ngày 22/12/2017 của Hội đồng nhân dân thành phố; Văn bản số 1267/STC-GCS ngày 12/04/2018 của Sở Tài chính; Văn bản số 53-CV/ĐĐ ngày 23/08/2018 của Cơ quan Đảng Đoàn Hội đồng nhân dân thành phố. Tất cả đều khẳng định giải quyết việc nộp chậm tiền sử dụng đất phải thực hiện theo Thông tư số 88/2016/TTLT/BTC/BTNMT của Liên bộ Tài Chính và Tài nguyên - Môi trường.

Với các lý do nêu trên, bà H cho rằng việc UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định số 5444/QĐ-UBND ngày 16/11/2018 “Hủy kết quả trúng đấu giá của lô đất 40 và 41 phân khu F1 Khu tái định cư N, phường M, quận S” tại Quyết định số 1125/QĐ-UBND, đồng thời tịch thu tiền đặt trước của bà H nộp ngân sách thành phố trong khi bà H đã hoàn thành 100% nghĩa vụ tài chính là văn bản trái pháp luật. Hơn nữa, việc chậm nộp hai đợt là 13 ngày kể cả ngày nghỉ là xâm hại đến lợi ích Nhà nước, của người dân khi các cơ quan chức năng đã máy móc dựa vào cơ sở là cam kết nộp tiền sử dụng đất đúng thời hạn trong phiếu đăng ký đấu giá đã in sẵn của cơ quan đấu giá và Thông báo số 6596/TB-CT về việc phạt chậm nộp tiền sử dụng đất của Cục Thuế thành phố Đà Nẵng là vi phạm pháp luật, không đúng quy định tại Thông tư số 88/2016/ TTLT/BTC/BTNMT của Liên bộ Tài Chính, Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về cách giải quyết cho cá nhân, tổ chức nộp chậm tiền sử dụng đất sau khi trúng đấu giá.

Do vậy, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 5444/QĐ-UBND của UBND thành phố Đà Nẵng, đồng thời cấp Giấy chứng nhận

hai lô đất trên cho bà H.

2. Ý kiến của người bị kiện:

Tại Văn bản số 3899/UBND-STNMT ngày 14/6/2019, UBND thành phố Đà Nẵng trình bày:

Ngày 30/9/2016, UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định số 6658/QĐ-UBND về việc sửa đổi nội dung điểm 4 Mục 3 Phương án đấu giá quyền sử dụng đất ban hành kèm theo Quyết định số 3631/QĐ-UBND ngày 09/6/2016 của UBND thành phố về việc phê duyệt Phương án đấu giá quyền sử dụng đất. Theo đó, đối tượng trúng đấu giá có trách nhiệm nộp tiền sử dụng đất theo đúng thời hạn ghi trên thông báo của cơ quan thuế, cụ thể là: *“Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký thông báo của cơ quan thuế, đối tượng trúng đấu giá phải nộp 50% tiền sử dụng đất còn lại. Quá thời hạn theo thông báo của cơ quan thuế (kể cả đợt nộp đầu tiên trong vòng 30 ngày kể từ ngày có thông báo của cơ quan thuế), đối tượng trúng đấu giá không nộp đủ tiền sử dụng đất theo quy định này thì hủy kết quả đấu giá và thu hồi tiền cọc nộp ngân sách thành phố”*.

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 72 Luật Đấu giá tài sản: *“Theo thỏa thuận giữa người có tài sản đấu giá, tổ chức đấu giá tài sản và người trúng đấu giá về việc hủy kết quả đấu giá tài sản hoặc giữa người có tài sản đấu giá và người trúng đấu giá về việc hủy giao kết hợp đồng mua bán tài sản đấu giá, hủy bỏ hợp đồng mua bán đấu giá, trừ trường hợp gây hại hoặc làm ảnh hưởng đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức”*. Tại Hợp đồng đấu giá quyền sử dụng đất số 142/2016/HĐ-BĐG ngày 16/12/2016 quy định: *“Đối tượng trúng đấu giá quyền sử dụng đất có trách nhiệm nộp tiền sử dụng đất theo đúng thời hạn ghi trên thông báo của cơ quan thuế. Quá thời hạn thông báo của cơ quan thuế (kể cả đợt nộp đầu tiên trong vòng 30 ngày kể từ ngày có thông báo của cơ quan thuế), đối tượng trúng đấu giá không nộp tiền sử dụng đất theo quy định thì hủy kết quả đấu giá và thu hồi tiền đặt cọc nộp ngân sách thành phố”*. Quy định này đã được niêm yết thông báo công khai cho người dân tham gia đấu giá biết, do đó đây là thỏa thuận giữa người có tài sản đấu giá, tổ chức đấu giá tài sản và người trúng đấu giá về việc hủy kết quả đấu giá tài sản.

Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ việc đối với trường hợp bà H, UBND thành phố đã tổ chức nhiều cuộc họp để thảo luận cũng như báo cáo xin ý kiến Bộ Tài chính, Thường trực HĐND thành phố, Thường trực Thành ủy. Ngày 01/11/2018, UBND thành phố đã có Báo cáo số 8444/UBND-STP báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc xử lý trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất của Công ty cổ phần VIPICO, trong đó có trường hợp của bà Trần Thị H.

Ngày 16/11/2018, UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định số 5444/QĐ-UBND về việc hủy kết quả đấu giá quyền sử dụng đất, cụ thể: Hủy kết quả đấu giá quyền sử dụng đất đối với các lô đất số 40 và 41 phân khu F1 Khu tái định cư N, phường M, quận S tại Quyết định số 1125/QĐ-UBND ngày 02/3/2017 của Chủ tịch UBND thành phố đối với bà Trần Thị H do không thực hiện đúng theo cam kết tại Phiếu đăng ký tham gia đấu giá, Phương án đấu giá tại Quyết định số 3631/QĐ-UBND ngày 09/6/2016, Quyết định số 6658/QĐ- UBND ngày

30/9/2016 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng và Quy chế của cuộc bán đấu giá; đồng thời, thu tiền đặt cọc nộp vào ngân sách thành phố theo quy định.

Như vậy, việc hủy bỏ kết quả đấu giá đối với trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất của bà Trần Thị H là phù hợp với quy định tại Phương án đấu giá quyền sử dụng đất, Quy chế của cuộc bán đấu giá và quy định của UBND thành phố về đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn thành phố; đồng thời, không thống nhất với nội dung đề nghị của bà H về việc hủy bỏ Quyết định số 5444/QĐ-UBND ngày 16/11/2018 của UBND thành phố Đà Nẵng.

3. Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Tại Văn bản số 2836/CT-HKDCN ngày 08/8/2019, Cục Thuế thành phố Đà Nẵng trình bày:

Cục Thuế thành phố nhận được Tờ trình số 1370/TTr-TTPTQĐ ngày 16/3/2017 của Trung tâm Phát triển quỹ đất và Quyết định số 1125/QĐ-UBND ngày 02/3/2017 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc công nhận kết quả đấu giá đối với 65 lô đất thuộc Khu tái định cư N và 57 lô đất thuộc Khu dân cư N 2, phường M, quận S. Căn cứ hồ sơ kèm theo Tờ trình nêu trên, Cục Thuế thành phố đã ban hành 02 Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 1411/TB-CT và 1412/TB-CT cùng ngày 23/3/2017 đối với bà Trần Thị H. Tại các Thông báo này đã nêu rõ thời hạn phải nộp tiền sử dụng đất trúng đấu giá, quá thời hạn theo thông báo của cơ quan Thuế, nếu không nộp đủ số tiền sử dụng đất phải nộp vào ngân sách Nhà nước (kể cả đợt nộp đầu tiên trong vòng 30 ngày kể từ ngày có thông báo của cơ quan thuế) thì hủy kết quả đấu giá và thu hồi tiền cọc nộp ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên bà H nộp tiền trúng đấu giá không đúng thời hạn quy định tại các Thông báo nêu trên. Ngày 14/8/2017, Cục Thuế có Thông báo số 6596/TB-CT về tiền nợ thuế, tiền phạt và tiền chậm nộp; ngày 13/9/2017, Cục Thuế có Công văn số 3609/CT-QLN về việc thu hồi Thông báo nợ tiền chậm nộp tiền sử dụng đất. Ngày 16/11/2018, UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định số 5444/QĐ-UBND hủy kết quả đấu giá quyền sử dụng đất đối với các lô đất số 40 và 41 tại Quyết định số 1125/QĐ-UBND ngày 02/3/2017 của Chủ tịch UBND thành phố. Căn cứ Quyết định 5444/QĐ-UBND nêu trên và Thông báo số 69/TB-TTPTQĐ ngày 19/11/2018 của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng về việc liên hệ làm thủ tục nhận lại tiền đấu giá quyền sử dụng đất đối với 02 lô đất 40 và 41, Cục Thuế thành phố đã ban hành các Công văn số 4602/CT-QLĐ ngày 24/11/2018 (lần 1), Công văn số 06/CT-QLĐ ngày 02/01/2019 (lần 2) hướng dẫn và đề nghị bà H lập giấy đề nghị hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước. Như vậy, việc cơ quan Thuế căn cứ các Quyết định của UBND thành phố Đà Nẵng ban hành các Thông báo nộp tiền sử dụng đất trúng đấu giá theo đúng trình tự, quy định của pháp luật thuế hiện hành đã nêu rõ thời hạn nộp, quá thời hạn thì hủy kết quả đấu giá. Việc bà Trần Thị H tự ý nộp tiền vào ngân sách Nhà nước sau thời hạn nộp theo thông báo của cơ quan thuế thuộc về trách nhiệm của bà H.

3.2. Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng trình bày:

Đối với các trường hợp trúng đấu giá theo Quyết định số 1125/QĐ-UBND

ngày 02/3/2017 của UBND thành phố Đà Nẵng thì những người trúng đấu giá phải hoàn thành các nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định của pháp luật thì mới được giao quyền sử dụng đất. Trường hợp của bà H do vi phạm nghĩa vụ nộp tiền sử dụng đất theo Thông báo nộp tiền của Cục Thuế thành phố Đà Nẵng nên ngày 16/11/2018 UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định số 5444/QĐ-UBND hủy kết quả đấu giá quyền sử dụng đất đối với các lô đất số 40 và 41 tại Quyết định số 1125/QĐ-UBND ngày 02/3/2017 của Chủ tịch UBND thành phố. Chính vì vậy, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng không tiến hành làm thủ tục giao quyền sử dụng đất tại các lô đất 40 và 41 cho bà Trần Thị H.

4. Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 31/2019/HC-ST ngày 11 tháng 11 năm 2019, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Căn cứ Điều 55 Luật Đất đai; Điều 1 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai; Điều 18 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; khoản 3 Điều 12, khoản 4 Điều 15 Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ và trình tự, thủ tục tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất; Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số Điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H về việc “Khiếu kiện yêu cầu hủy quyết định hành chính”.

Tuyên: Hủy toàn bộ quyết định hành chính trái pháp luật: Quyết định số 5444/QĐ-UBND ngày 16/11/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc hủy Quyết định số 1125/QĐ-UBND ngày 02/03/2017 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất đối với các lô đất số 40 và 41 phân khu F1 Khu tái định cư N, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng cho bà Trần Thị H.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chịu án phí hành chính sơ thẩm và phổ biến quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

5. Kháng cáo:

Ngày 30/11/2019, người bị kiện là UBND thành phố Đà Nẵng có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H.

6. Tại phiên tòa phúc thẩm:

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân

cấp cao tại Đà Nẵng:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa và các thành viên Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ, đúng các quy định của Luật Tổ tụng hành chính; những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; những người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa đều đã văn bản trình bày ý kiến và có đơn xin xét xử vắng mặt hoặc đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này là đúng quy định tại Điều 225 của Luật Tổ tụng Hành chính.

Về nội dung: Căn cứ vào lời khai của các đương sự; các tài liệu, chứng cứ do các đương sự giao nộp và Tòa án thu thập trong quá trình tố tụng đã có đủ cơ sở xác định Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định chấp nhận đơn khởi kiện của bà Trần Thị H, hủy toàn bộ Quyết định số 5444/QĐ-UBND ngày 16/11/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc hủy Quyết định số 1125/QĐ-UBND ngày 02/03/2017 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính, bác kháng cáo của người bị kiện UBND thành phố Đà Nẵng và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Trên cơ sở các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm định tại phiên tòa; ý kiến của các đương sự, của người đại diện hợp pháp và của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự; ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại thời điểm UBND thành phố Đà Nẵng triển khai việc tổ chức đấu giá lô đất số 40 và 41 (năm 2016 và 2017), các văn bản quy phạm pháp luật có quy định về việc đấu giá quyền sử dụng đất, thu tiền sử dụng đất thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất cụ thể như sau:

1. Trước thời điểm ngày 01/7/2017, việc bán đấu giá tài sản được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản. Đến khi Luật Đấu giá tài sản năm 2016 có hiệu lực thi hành (từ ngày 01/7/2017), tại Luật này có các quy định liên quan đến việc đấu giá quyền sử dụng đất, hủy kết quả đấu giá như sau:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về nguyên tắc, trình tự, thủ tục đấu giá tài sản; đấu giá viên, tổ chức đấu giá tài sản; thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản; xử lý vi phạm, hủy kết quả đấu giá tài sản, bồi thường thiệt hại; quản lý nhà nước về đấu giá tài sản.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

... 3. Người có tài sản đấu giá, người tham gia đấu giá, người trúng đấu giá, người mua được tài sản đấu giá...

Điều 4. Tài sản đấu giá

1. Tài sản mà pháp luật quy định phải bán thông qua đấu giá, bao gồm:

... c) Tài sản là quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai;

Điều 72. Hủy kết quả đấu giá tài sản

Kết quả đấu giá tài sản bị hủy trong các trường hợp sau đây:

1. Theo thỏa thuận giữa người có tài sản đấu giá, tổ chức đấu giá tài sản và người trúng đấu giá về việc hủy kết quả đấu giá tài sản hoặc giữa người có tài sản đấu giá và người trúng đấu giá về việc hủy giao kết hợp đồng mua bán tài sản đấu giá, hủy bỏ hợp đồng mua bán tài sản đấu giá, trừ trường hợp gây thiệt hại hoặc làm ảnh hưởng đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức;”...

2. Tại khoản 2 Điều 117 Luật Đất đai năm 2013 quy định về nguyên tắc đấu giá quyền sử dụng đất: “Việc đấu giá quyền sử dụng đất phải đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật về đấu giá tài sản”.

3. Tại Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ “quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đất đai” (sau đây viết tắt là Nghị định số 43/NĐ-CP) quy định:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

2. Việc quy định chi tiết một số điều, khoản của Luật Đất đai về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; giá đất; thu tiền sử dụng đất; thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai được thực hiện theo các Nghị định khác của Chính phủ.

Điều 68. Trình tự, thủ tục giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào mục đích khác:

...5. Trình tự, thủ tục giao đất, cho thuê đất đã giải phóng mặt bằng đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất được quy định như sau:

... c) Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền ban hành quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá;

d) Sau khi người trúng đấu giá đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính, cơ quan tài nguyên và môi trường trình cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận, ký hợp đồng Thuế đất đối với trường hợp Thuế đất; tổ chức giao đất trên thực địa và trao Giấy chứng nhận; chỉ đạo cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính.

Trường hợp người trúng đấu giá không nộp đủ tiền theo đúng yêu cầu thì cơ quan tài nguyên và môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền hủy quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá”.

4. Tại Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định

về thu tiền sử dụng đất (sau đây viết tắt là Nghị định số 45/NĐ-CP) có quy định:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về thu tiền sử dụng đất trong trường hợp:

1. Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất...

Điều 14. Trình tự xác định, thu nộp tiền sử dụng đất

4. Thời hạn nộp tiền sử dụng đất:

a) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký Thông báo của cơ quan thuế, người sử dụng đất phải nộp 50% tiền sử dụng đất theo Thông báo.

b) Trong vòng 60 ngày tiếp theo, người sử dụng đất phải nộp 50% tiền sử dụng đất còn lại theo Thông báo.

c) Quá thời hạn quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản này, người sử dụng đất chưa nộp đủ số tiền sử dụng đất theo Thông báo thì phải nộp tiền chậm nộp đối với số tiền chưa nộp theo mức quy định của pháp luật về quản lý thuế trừ trường hợp có đơn xin ghi nợ tiền sử dụng đất đối với những trường hợp được ghi nợ.

Điều 17. Trách nhiệm của các cơ quan và người sử dụng đất trong việc xác định và tổ chức thu tiền sử dụng đất

...5. Người sử dụng đất:

b) Nộp tiền sử dụng đất theo đúng thời hạn ghi trên thông báo của cơ quan thuế.

c) Quá thời hạn nộp tiền sử dụng đất theo Thông báo của cơ quan thuế thì phải nộp tiền chậm nộp theo quy định tại Điều 18 Nghị định này.

Điều 18. Xử lý chậm nộp

Trường hợp chậm nộp tiền sử dụng đất vào ngân sách nhà nước thì người sử dụng đất phải nộp tiền chậm nộp. Việc xác định tiền chậm nộp tiền sử dụng đất thực hiện theo mức quy định của Luật Quản lý thuế...”.

5. Tại Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường “quy định về hồ sơ và trình tự, thủ tục tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất” có quy định:

“Điều 15. Quy trình luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất trong trường hợp được giao đất, cho thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê thông qua hình thức đấu giá

...3. Cơ quan thuế xác định số tiền trúng đấu giá và các Khoản nghĩa vụ tài chính khác phải nộp để thông báo cho người trúng đấu giá,...

4. Người trúng đấu giá có trách nhiệm nộp tiền tại Kho bạc nhà nước (hoặc cơ quan được Kho bạc nhà nước ủy nhiệm thu) theo đúng thời hạn tại Thông báo do cơ quan thuế ban hành.

Trường hợp nộp chậm so với thời hạn quy định tại Thông báo của cơ quan thuế thì phải nộp tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật quản lý thuế...”.

[2] Trên cơ sở hệ thống các quy định tại các văn bản pháp luật nêu trên, đối chiếu với trường hợp khiếu kiện của bà Trần Thị H thì thấy:

Ngày 02/3/2017, UBND thành phố Đà Nẵng đã ban hành Quyết định số 1125/QĐ-UBND công nhận bà Trần Thị H đã đấu giá trúng lô đất số 40 và 41. Ngày 16/3/2017, Văn phòng Đăng ký Đất đai thành phố Đà Nẵng ban hành Phiếu chuyển thông tin địa chính đến Cục Thuế thành phố Đà Nẵng để xác định nghĩa vụ tài chính. Ngày 23/3/2017, Cục Thuế thành phố Đà Nẵng đã ban hành các Thông báo số 1411/TB-CT và 1412/TB-CT về nộp tiền sử dụng đất với thời hạn: đợt 1 phải nộp 50% tiền sử dụng đất vào ngày 21/4/2017; đợt 2 phải nộp 50% tiền sử dụng đất còn lại vào ngày 20/6/2017.

Sau khi nhận được các Thông báo nộp tiền sử dụng đất của Cục Thuế thành phố Đà Nẵng nêu trên, ngày 24/4/2017 bà H đã nộp số tiền phải nộp đợt 1 (chậm 03 ngày) và ngày 30/6/2017 bà H đã nộp đủ số tiền phải nộp đợt 2 (chậm 10 ngày); tổng cộng cả hai đợt, bà H đã nộp chậm 13 ngày (kể cả ngày Thứ Bảy và Chủ Nhật) theo Thông báo của cơ quan thuế. Ngày 12/7/2018, bà H có gửi đơn trình bày đến các cấp có liên quan, nhận khuyết điểm và xin tiếp tục thủ tục để nhận đất và thủ tục cấp sổ. Đến ngày 14/8/2017, bà H nhận được Thông báo số 6596/TB-CT về tiền thuế nợ, tiền phạt và tiền chậm nộp của Cục Thuế thành phố Đà Nẵng với số tiền chậm nộp tính đến ngày 31/5/2017 là 3.043.333 đồng, số tiền chậm nộp đến ngày 30/6/2017 là 6.278.945 đồng; bà H đã nộp phạt theo đúng Thông báo nêu trên.

Như vậy, bà H đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, có đủ điều kiện được các cơ quan có thẩm quyền cấp GCNQSD đất và giao đất theo quy định tại đoạn 1 điểm d khoản 5 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

[3] Xét kháng cáo của người bị kiện cho là việc hủy bỏ kết quả đấu giá đối với trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất của bà Trần Thị H là phù hợp với quy định tại Điều 68 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ, khoản 1 Điều 72 của Luật Đấu giá tài sản năm 2016, Phương án đấu giá quyền sử dụng đất, Quy chế của cuộc đấu giá và quy định của UBND thành phố phê duyệt tại Quyết định số 6658/QĐ-UBND ngày 30/9/2016 thì thấy:

[3.1] Trên cơ sở hệ thống các quy định tại các văn bản pháp luật nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy đối với trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất, chậm nộp tiền trúng đấu giá thì pháp luật đã có quy định rất đầy đủ, cụ thể tại các văn bản quy phạm pháp luật, không có sự xung đột hoặc không có quy định. Cụ thể là:

Đối với trình tự, thủ tục đấu giá quyền sử dụng đất; công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất; giao đất đối với trường hợp thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất thì phải thực hiện theo quy định tại Chương VIII của Luật Đất đai năm 2013, Điều 68 Nghị định số 43/NĐ-CP và các quy định của pháp luật về đấu giá tài sản.

Đối với việc thu nộp tiền sử dụng đất thông qua hình thức đấu giá thì phải được thực hiện theo các quy định tại Nghị định số 45/NĐ-CP, Thông tư liên tịch số

88/2016/TTLT/BTC-BTNMT và hướng dẫn tại Thông tư số 76/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Trường hợp người trúng đấu giá thực hiện nộp đủ số tiền phải nộp theo các quy định của pháp luật nêu trên (nếu nộp chậm so với thời hạn quy định tại Thông báo của cơ quan thuế thì phải nộp tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật quản lý thuế) thì được Nhà nước cấp GCNQSD đất và giao đất theo quy định tại đoạn 1 điểm d khoản 5 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ; trường hợp “người trúng đấu giá không nộp đủ tiền theo đúng yêu cầu”, có nghĩa là người trúng đấu giá không nộp tiền sử dụng đất do không muốn nhận đất, hoặc cô tình dây dưa không hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật (không nộp hoặc không nộp đủ số tiền sử dụng đất phải nộp; trường hợp nộp chậm số tiền sử dụng đất so với thời hạn quy định tại thông báo của cơ quan thuế mà không nộp hoặc không nộp đủ số tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật quản lý thuế) thì cơ quan tài nguyên và môi trường trình UBND cấp có thẩm quyền hủy quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá theo quy định tại đoạn 2 điểm d khoản 5 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

Theo phân tích tại mục [2] nêu trên thì bà H đã nộp đủ số tiền sử dụng đất và số tiền chậm nộp đúng quy định, thuộc trường hợp được giao đất theo quy định tại đoạn 1 điểm d khoản 5 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ. Do đó, kháng cáo của người bị kiện cho rằng việc hủy bỏ kết quả đấu giá quyền sử dụng đất của bà Trần Thị H phù hợp với quy định tại Nghị định số 43/2014/NĐ-CP là có sự nhầm lẫn, chưa căn cứ đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về các quy định của UBND thành phố Đà Nẵng về đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn thành phố: Tại Quyết định số 6658/QĐ-UBND ngày 30/9/2016 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc sửa đổi nội dung điểm 4 Mục III Phương án đấu giá quyền sử dụng đất ban hành kèm theo Quyết định số 3631/QĐ-UBND ngày 09/6/2016 của UBND thành phố về việc phê duyệt Phương án đấu giá quyền sử dụng đất có nội dung: *"Quá thời hạn theo Thông báo của cơ quan Thuế..., tổ chức, cá nhân trúng đấu giá không nộp đủ tiền sử dụng đất theo quy định này thì hủy kết quả đấu giá và thu hồi tiền cọc nộp ngân sách thành phố"*. Trong các căn cứ để ban hành Quyết định này có Nghị định số 45/NĐ-CP, Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 18/8/2014 và Quyết định số 01/2015/QĐ-UBND ngày 15/01/2015 của UBND thành phố Đà Nẵng “Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế bán đấu giá quyền sử dụng đất ban hành kèm theo Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 18/8/2014 của UBND thành phố Đà Nẵng” (sau đây viết tắt là Quyết định số 01/2015/QĐ-UBND). Theo trích dẫn của Nghị định số 45/NĐ-CP (có hiệu lực từ ngày 01/7/2014) tại mục [1] nêu trên chỉ có quy định trường hợp quá thời hạn nộp tiền sử dụng đất theo thông báo của cơ quan thuế thì phải nộp tiền chậm nộp mà không có quy định hủy kết quả đấu giá nên nội dung tại Phương án đấu giá nêu trên là căn cứ vào nội dung tại đoạn cuối khoản 3 Điều 1 Quyết định số 01/2015/QĐ-UBND: *"Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc thuê đất có trách nhiệm nộp tiền theo đúng thời hạn ghi trên thông báo của cơ quan Thuế. Quá thời hạn theo thông báo*

của cơ quan Thuế (kể cả đợt nộp đầu tiên trong vòng 30 ngày kể từ ngày có thông báo của cơ quan Thuế), tổ chức, cá nhân trúng đấu giá không nộp đủ tiền sử dụng đất theo quy định này thì hủy kết quả đấu giá và thu hồi tiền cọc nộp ngân sách thành phố”.

Căn cứ vào quy định tại Điều 6 của Luật Tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử xét thấy tại Quyết định số 01/2015/QĐ-UBND, UBND thành phố Đà Nẵng đã căn cứ vào Nghị định số 43/2014/NĐ-CP để sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 26 Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 18/8/2014 của UBND thành phố Đà Nẵng với nội dung như trên, trong khi ngay tại Điều 68 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP không có quy định thu hồi tiền cọc nộp ngân sách nhà nước. Do đó, nội dung quy định trường hợp người trúng đấu giá chậm nộp tiền sử dụng đất thì hủy kết quả đấu giá và thu hồi tiền cọc nộp ngân sách thành phố tại Quyết định số 01/2015/QĐ-UBND là chưa đầy đủ, có mâu thuẫn với quy định tại Nghị định số 45/2014/NĐ-CP và các Thông tư hướng dẫn thi hành các Nghị định này như đã trích dẫn nêu trên (đều quy định trường hợp người trúng đấu giá chậm nộp tiền sử dụng đất thì phải nộp tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật quản lý thuế; không có quy định phải chịu hủy kết quả đấu giá); đồng thời, chưa đúng quy định tại khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 14 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Tuy nhiên, Quyết định số 01/2015/QĐ-UBND đã được xác định hết hiệu lực từ ngày 01/7/2017 theo Quyết định số 3101/QĐ-UBND ngày 19/7/2018 của UBND thành phố Đà Nẵng. Do đó, Hội đồng xét xử không thực hiện việc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền ban hành Quyết định này xem xét, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại các Điều 6, 111, 112, 113, 114 của Luật Tổ tụng hành chính, mà áp dụng văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn để giải quyết vụ án.

[3.3] Tại Điều 2 Luật Đấu giá tài sản quy định đối tượng áp dụng Luật này đã phân định rõ “người tham gia đấu giá” và “người trúng đấu giá” là hai chủ thể khác nhau. Khi bà H tham gia đấu giá, về nguyên tắc thì bà H là “người tham gia đấu giá” phải thực hiện đầy đủ, đúng các nội dung tại Phương án đấu giá, Quy chế đấu giá và cam kết tại Phiếu đăng ký tham gia đấu giá, Biên bản đấu giá tài sản là nộp đủ tiền đúng hạn. Tuy nhiên, kể từ thời điểm UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định số 1125/QĐ-UBND ngày 02/3/2017 về việc công nhận kết quả đấu giá thì bà H đã được công nhận là “người trúng đấu giá” và kể từ thời điểm đó đến nay bà H không có bất kỳ một thỏa thuận, cam kết nào về việc hủy kết quả đấu giá, mà ngược lại bà H đã nộp đủ số tiền sử dụng đất, số tiền chậm nộp và đề nghị UBND thành phố Đà Nẵng cùng các cơ quan có thẩm quyền sớm được hoàn thành các thủ tục để được giao đất. Do đó, kháng cáo của người bị kiện cho rằng bà Trần Thị H không nộp đủ số tiền đã thống nhất và cam kết tại Phương án đấu giá, Quy chế của cuộc đấu giá, Biên bản đấu giá tài sản, Phiếu đăng ký tham gia đấu giá thuộc trường hợp hủy kết quả đấu giá tài sản quy định khoản 1 Điều 72 Luật Đấu giá tài sản là không đúng pháp luật, không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Từ cơ sở những đánh giá, phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Việc bà Trần Thị H chậm nộp tiền trúng đấu giá quyền sử dụng đất

thuộc trường hợp phải áp dụng chế tài nộp tiền chậm nộp theo mức quy định của pháp luật về quản lý thuế. Tuy nhiên, UBND thành phố Đà Nẵng lại chỉ căn cứ vào quy định tại đoạn 2 điểm d khoản 5 Điều 68 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và cho rằng bà H không thực hiện theo đúng cam kết tại các văn bản Phương án đấu giá, Quy chế của cuộc đấu giá, Phiếu đăng ký tham gia đấu giá, Biên bản đấu giá tài sản để hủy Quyết định số 1125/QĐ-UBND là không đúng quy định của pháp luật, do chưa có sự xem xét đầy đủ, khách quan, toàn diện các văn bản pháp luật điều chỉnh quan hệ pháp luật đang được giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của người đại diện hợp pháp của người khởi kiện và ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu tại phiên tòa; không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của người bị kiện UBND thành phố Đà Nẵng.

[5] Ngoài ra, khi xét xử vụ án Hội đồng xét xử còn nhận thấy: Trong vụ án này Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định chấp nhận yêu cầu hủy quyết định hành chính trái pháp luật, nhưng lại chưa tuyên buộc cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, đồng thời kiến nghị cách thức xử lý đối với quyết định hành chính đã bị hủy là có thiếu sót, chưa bảo đảm đầy đủ các nội dung quy định tại điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính. Mặt khác, có một số nội dung đánh giá việc áp dụng pháp luật để giải quyết vụ án tại Bản án sơ thẩm cũng chưa thật đầy đủ, chính xác. Xét thấy những thiếu sót nêu trên của Tòa án cấp sơ thẩm không làm ảnh hưởng đến kết quả việc giải quyết, xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử khắc phục bổ sung vào Bản án phúc thẩm để bảo đảm bản án của Tòa án được ban hành đầy đủ, chính xác, đúng pháp luật.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên căn cứ vào khoản 1 Điều 349 của Luật Tổ tụng hành chính và khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, người kháng cáo phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Điều 55 Luật Đất đai; Điều 1, điểm d khoản 5 Điều 68 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai; Điều 18 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; khoản 3 Điều 12, khoản 4 Điều 15 Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ và trình tự, thủ tục tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất; Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn

một số Điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 348, khoản 1 Điều 349 của Luật Tổ tụng hành chính; khoản 2 Điều 32, khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Bác kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng và giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 31/2019/HC-ST ngày 11 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H về việc “Khiếu kiện yêu cầu hủy quyết định hành chính”: Hủy toàn bộ Quyết định số 5444/QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc “Hủy kết quả đấu giá quyền sử dụng đất đối với các lô đất số 40 và 41 phân khu F1 Khu tái định cư N, phường M, quận S tại Quyết định số 1125/QĐ-UBND ngày 02 tháng 3 năm 2017 của Chủ tịch UBND thành phố”.

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật đối với Quyết định số 1125/QĐ-UBND ngày 02 tháng 3 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất đối với các lô đất số 40 và 41 phân khu F1 Khu tái định cư N, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng cho bà Trần Thị H.

2. Án phí hành chính sơ thẩm: Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng; hoàn trả cho bà Trần Thị H số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí do ông Trần Q đã nộp thay tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 001739 ngày 15/5/2019 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng; được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 001991 ngày 04/12/2019 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 12/5/2020.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Điền